TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 06/3/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Xuân Dự
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1993, ĐKHKTT và trú tại: xóm 7A Tây, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1990, ĐKHKTT: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Bích T và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 5, xã K, là quê của anh H. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2016.

Về phía nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà càng nặng nề hơn. Do không thể chịu đựng được nên đến cuối năm 2016, chị T đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7A, xã C để sinh

sống, ly thân với anh H. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chỉ có một con chung là Trương Phạm Tuấn N, sinh ngày 16/01/2016, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu sẽ được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1 triệu đồng.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trương Văn H: Trong bản tự khai xác định anh và chị T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, anh H cho rằng, do chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác và tự ý bỏ nhà đi. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, anh để nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Trương Phạm Tuấn N, sinh ngày 16/01/2016, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn nếu chị T muốn nuôi con thì anh sẽ để chị T tiếp tục nuôi và sẽ không đóng góp tiền nuôi con. Nếu chị T không nuôi được, anh sẽ nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp gì cả với điều kiện chị T phải đổi lại họ của con chung về họ của anh và cắt hộ khẩu cho con về chung với hộ khẩu của anh H.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng chung sống trên đất của bố mẹ đẻ của anh nên không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, về quan hệ con chung chị T rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nữa. Anh H do công việc không tham dự phiên tòa được nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Bích T và anh Trương Văn H; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trương Phạm Tuấn N, sinh ngày 16/01/2016; anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trương Văn H, cư trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Trương Văn H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật và đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị T xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn do bất đồng lối sống, quan điểm sống; Về phía anh H thì xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác và tự ý bỏ nhà đi, nhưng không có chứng cứ chứng minh về việc đó; tuy nhiên anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể chung sống cùng nhau được.

Như vậy, mặc dù nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng chị T và anh H đều khẳng định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Mặc dù đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ 2016 đến nay.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7A, xã C, vợ chồng đã ly thân từ 2016 đến nay.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh H và chị T đều xác định vợ chồng chỉ có một con chung là Trương Phạm Tuấn N, sinh ngày 16/01/2016, hiện đang ở với chị T. Ban đầu chị T yêu cầu chị sẽ tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung là 1 triệu đồng/ tháng cho đến khi con chung thành niên. Về phía anh H, anh để chị T nuôi con chung và không đóng góp tiền nuôi con, nếu chị T không nuôi con được thì anh sẽ nuôi và không đề nghị chị T đóng góp gì. Tại phiên tòa chị rút yêu cầu buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết để chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị .

Thực tế, chị T và anh H đã ly thân từ cuối năm 2016, con chung của vợ chồng do chị T 1 mình nuôi dưỡng từ đó đến nay. Anh H cũng đã có ý kiến để chị T tiếp tục nuôi con và không cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì vậy, việc yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu đóng góp tiền nuôi con của chị T là phù hợp, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Bích T và anh Trương Văn H.

2/ Về quan hệ con chung: Giao chị Phạm Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trương Phạm Tuấn N, sinh ngày 16/01/2016. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Bích T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002950 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K, C;
- Lưu VP&HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh